CTCP Dịch vụ Bến Thành (HNX: BSC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	13,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**10.8%**	**10.8%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,000 - 13,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	3,150,747
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	0.03
EPS	759
P/E	17.5

Tỷ suất lợi nhuận

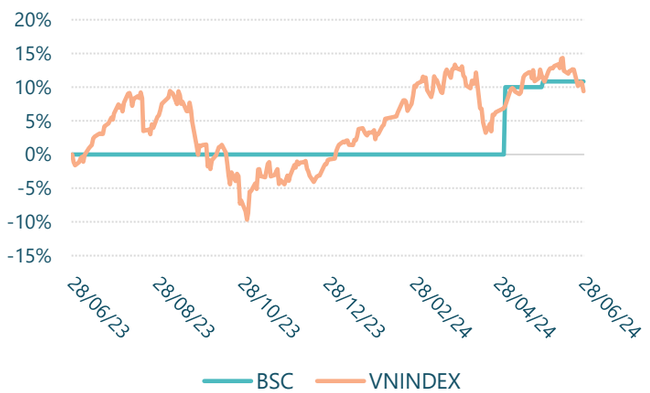

Doanh thu thuần

Q2/24

2.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.18 | -7.3%

YoY: ▲ 0.47 | 24.6%

Nợ/VCSH

Q2/24

9.6%

YoY: +/-▲ 1.6%

LN gộp

Q2/24

1.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.07 | 5.3%

YoY: ▲ 0.16 | 12.6%

ROE (TTM)

Q2/24

6.2%

YoY: +/-▼ 0.5%

LN trước thuế

Q2/24

0.77

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.05 | 7.0%

YoY: ▼0.26 | -25.2%

ROA (TTM)

Q2/24

5.5%

YoY: +/-▼ 0.7%

Kết quả kinh doanh Q2/24

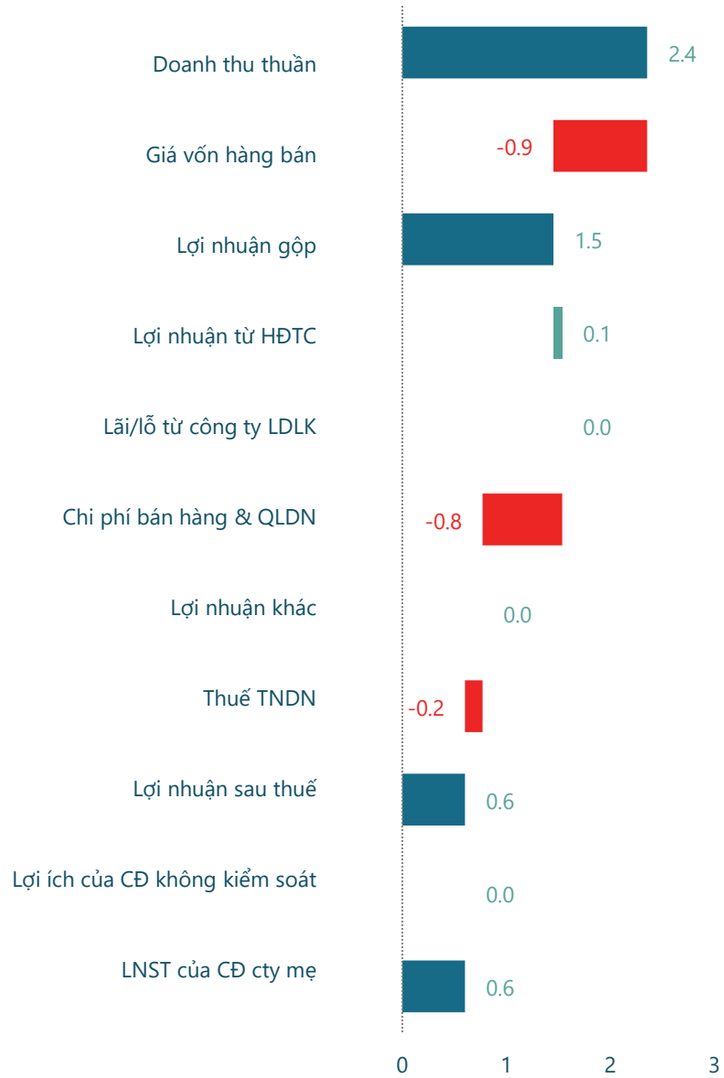

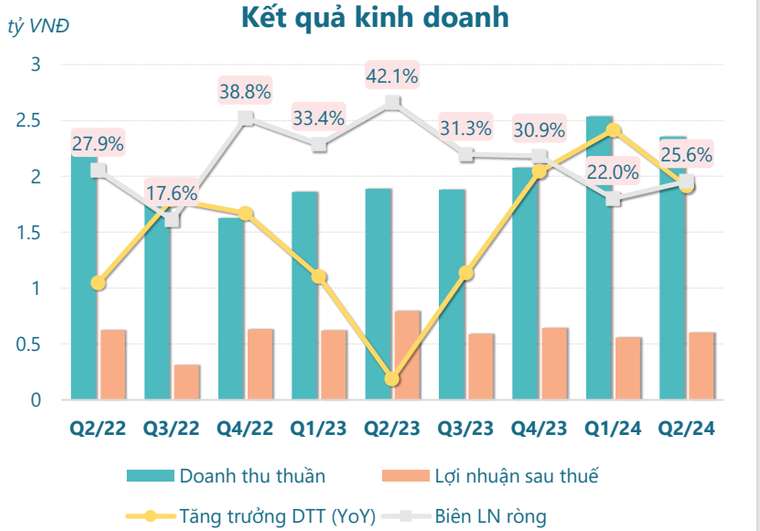

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.77 tỷ đồng**, tăng thêm 6.94% so với kỳ trước và thấp hơn 25.2% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.08 tỷ đồng**, giảm đi 33.3% so với kỳ trước và thấp hơn 89.2% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

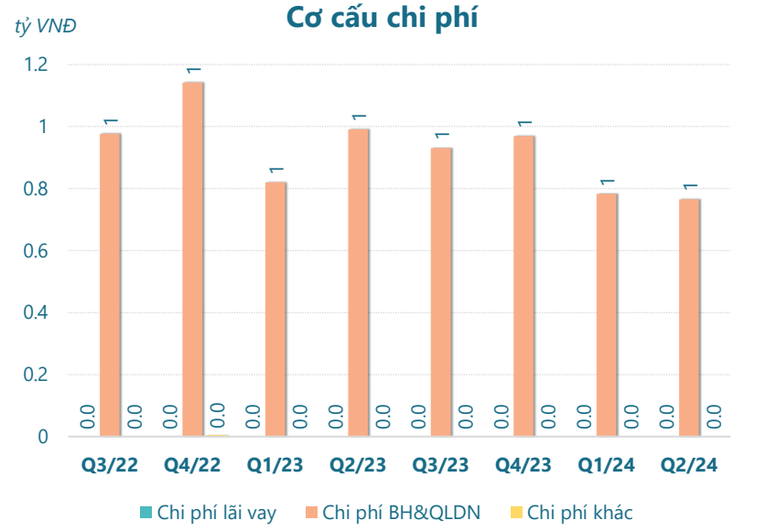

Kết quả kinh doanh của **BSC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **2.36 tỷ đồng** tăng thêm **24.9%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.60 tỷ đồng**, **giảm sút 24.1%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **5.00 tỷ đồng** cao hơn 25.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** bằng so với cùng kỳ năm trước.

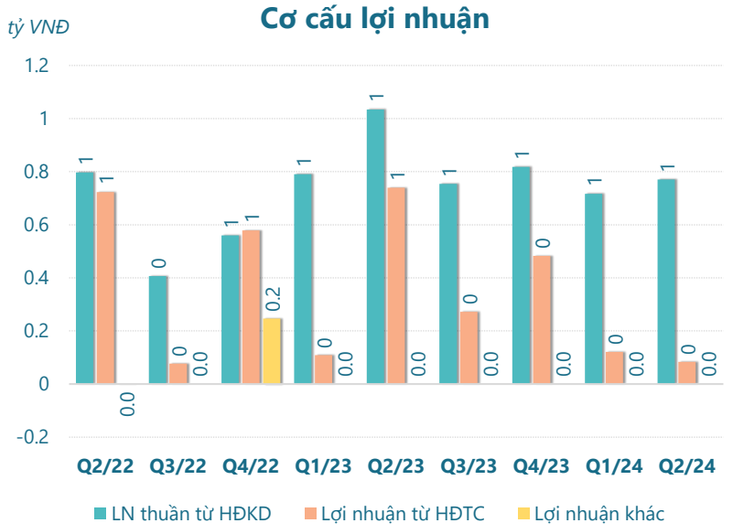

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **0.77 tỷ đồng** giảm đi 1.28% so với kỳ trước và thấp hơn 22.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Dịch vụ Bến Thành (HNX: BSC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.36**	**2.54**	**-7.3%**	**1.89**	**24.6%**	**4.89**	**3.75**	**30.5%**
Giá vốn hàng bán	0.90	1.16	-22.2%	0.60	50.4%	2.06	0.96	114%
Lợi nhuận gộp	1.45	1.38	5.3%	1.29	12.6%	2.83	2.79	1.6%
Doanh thu HĐTC	0.59	0.48	22.9%	1.26	-53.2%	1.06	1.47	-27.7%
Chi phí TC	0.51	0.35	44.6%	0.52	-2.7%	0.86	0.62	37.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.77**	**0.78**	**-1.8%**	**0.99**	**-22.7%**	**1.55**	**1.81**	**-14.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.77	0.72	7.0%	1.03	-25.2%	1.49	1.82	-18.5%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	0.77	0.72	7.0%	1.03	-25.2%	1.49	1.82	-18.5%
Lợi nhuận sau thuế	**0.60**	**0.56**	**7.6%**	**0.79**	**-23.7%**	**1.16**	**1.41**	**-17.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.60**	**0.56**	**7.6%**	**0.79**	**-23.7%**	**1.16**	**1.41**	**-17.9%**

